

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề trẻ em năm 2021**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 05/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2021; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề trẻ em năm 2021 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

##### **1. Tình hình kinh tế - xã hội**

Kon Tum là tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới nằm ở phía Bắc Tây Nguyên, có đường biên giới dài trên 292 km; diện tích tự nhiên gần 10.000 km<sup>2</sup>; địa hình phức tạp, đa dạng dẫn đến sự hình thành các tiểu khí hậu với 2 mùa khô và mùa mưa, biên độ nhiệt độ trong ngày chênh lệch lớn ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, đặc biệt là người già và trẻ em.

Dân số toàn tỉnh đến cuối năm 2019 là 552.392 người; dân tộc thiểu số (DTTS) có 292.373 người chiếm 53,65% với 43 dân tộc cùng sinh sống<sup>(1)</sup>, trong đó có 07 dân tộc tại chỗ, gồm: Xơ Đăng, Ba Na, Gia Rai, Giẻ Triêng, Hrê, Brâu và Rơ Măm. Trẻ em trong độ tuổi (*dưới 16*) là 198.327 em, chiếm 34,99% so với tổng dân số, trong đó trẻ em trong các hộ gia đình nghèo là 40.297 người.

Toàn tỉnh có 09 huyện, 01 thành phố với 102 xã, phường thị trấn, trong đó có 52 xã khu vực III, 05 xã khu vực II, 35 xã khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS<sup>(2)</sup>, có 13 xã biên giới<sup>(3)</sup>; 03 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a<sup>(4)</sup>. Đến năm 2020 có 53 xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu<sup>(5)</sup> và có 371 thôn

<sup>1</sup> Theo số liệu kết quả sơ bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.

<sup>2</sup> Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 07/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>3</sup> Huyện Sa Thầy có 2 xã là Mô Rai, Rờ Koi, huyện Ia H'Drai 3 xã: Ia Toi, Ia Dal, Ia Dom giáp với CamPuChia; huyện Ngọc Hồi có 5 xã là Sa Loong, Pờ Y, Đăk Xú, Đăk Dục, Đăk Nông; huyện Đăk Glei có 3 xã là Đăk Nhoong, Đăk Long, Đăk Blô giáp với Lào.

<sup>4</sup> Quyết định 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ, gồm: Kon Plông, Tu Mơ Rông và Ia H'Drai.

<sup>5</sup> Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã ĐBK, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020; Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận danh sách xã hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020.

đặc biệt khó khăn<sup>6</sup> (bao gồm: 330 thôn của xã khu vực III; 17 thôn của xã khu vực II; 23 thôn của xã khu vực I và 01 thôn của xã có thôn thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi).

Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, khoảng cách chênh lệch mức sống giữa khu vực đô thị và nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số khá lớn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao<sup>7</sup>... do đó, trẻ em vùng DTTS còn nhiều thiệt thòi, chưa tiếp cận nhiều với các dịch vụ văn hóa, xã hội. Quá trình phát triển các dân tộc trên địa bàn tỉnh không đồng nhất, đa dạng về ngôn ngữ, tâm lý, phong tục tập quán, tín ngưỡng và văn hóa, mặt bằng trình độ dân trí thấp, một bộ phận đồng bào DTTS còn có phong tục, tập quán lạc hậu... ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tuyên truyền phổ biến những kiến thức về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

## **2. Tình hình trẻ em và thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em**

### **2.1. Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt**

- Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn tỉnh: 2.399 em, *trong đó*: Trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ, bị bỏ rơi: 519 em; trẻ em bị bỏ rơi, mồ côi được nhận chăm sóc thay thế: 55 em, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa: 185 em; trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng: 213 em; trẻ em khuyết tật nặng: 898 em; trẻ em khuyết tật nhẹ: 546 em; trẻ em nhiễm HIV: 03 em; trẻ em vi phạm pháp luật: 44 em; trẻ em sử dụng ma túy: 02 em, trẻ em mắc các bệnh hiểm nghèo phải điều trị dài ngày 31 em.

- Tổng số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt: 45.054 em, *trong đó*: Trẻ em sống trong hộ gia đình nghèo 40.297 em; trẻ em sống trong các hộ gia đình có cha mẹ ly hôn trên địa bàn toàn tỉnh: 536 em; trẻ em sống trong các hộ gia đình có vấn đề xã hội như nghiện ma túy 55 em; và trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật 53 em, trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ 4.011 em, trẻ em sống xa bố mẹ đi làm ăn xa 102 em.

- Thực hiện chính sách đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt<sup>8</sup>: Hiện toàn tỉnh có 1.818 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được hưởng chế độ bảo trợ xã hội thường xuyên hàng tháng tại cộng đồng theo quy định (*trong đó có 704 trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa; 1.114 trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng và trẻ em khuyết tật nặng và trẻ em nhiễm chất độc hóa học, trẻ em nhiễm HIV*).

### **2.2. Thực trạng trẻ em bị xâm hại tình dục trên địa bàn tỉnh**

<sup>6</sup> Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

<sup>7</sup> Tính đến cuối năm 2020 hộ nghèo toàn tỉnh là 14.601 hộ, chiếm tỷ lệ 10,29% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh; trong đó hộ nghèo DTTS là 13.688 hộ, chiếm 18,75% so với tổng số hộ người DTTS toàn tỉnh; Hộ cận nghèo 8.372 hộ, chiếm tỷ lệ 5,90% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh, trong đó hộ cận nghèo DTTS 7.569, chiếm tỷ lệ 10,37% so với tổng số hộ DTTS toàn tỉnh.

<sup>8</sup> Theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Tổng số trẻ em bị xâm hại tình dục trên địa bàn tỉnh<sup>9</sup>: 14 em, trong đó: hiếp dâm trẻ em: 04 vụ/04 trẻ em/04 đối tượng; giao cấu với trẻ em: 08 vụ/08 trẻ em/08 đối tượng; dâm ô với trẻ em: 02 vụ/02 trẻ em/02 đối tượng.

- Việc xử lý các đối tượng có hành vi xâm hại trẻ em: Đã xử lý hình sự 14 vụ/14 đối tượng (*trong đó: hiếp dâm 04 đối tượng; giao cấu với trẻ em: 08 đối tượng; dâm ô với trẻ em: 02 đối tượng*).

### **2.3. Thực trạng tai nạn thương tích trẻ em và nguyên nhân**

Tổng số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích là 22 em<sup>10</sup>, trong đó: tai nạn đuối nước: 21 em; tai nạn giao thông: 01 em. Nguyên nhân chính là do:

- Trẻ em không biết bơi, chưa học kỹ năng an toàn trong môi trường nước và xử lý tình huống khi bơi và không có kỹ năng cứu đuối; do sự bất cẩn của người lớn, sự lơ là, chủ quan của bố mẹ chưa giám sát chặt chẽ hay thiếu người trông nom, chăm sóc để trẻ tự do vui chơi gần những nơi có những mối hiểm họa từ môi trường xung quanh trẻ không an toàn như: Ao, hồ, hồ nước sâu, sông, suối nguy hiểm chưa có biển cảnh báo, biển cấm, các công trình xây dựng tạo ra các hố sâu do đào đắp, làm cống rãnh không có rào chắn, nắp đậy...

- Ý kiến của các em tham gia giao thông còn hạn chế (*không chú ý quan sát, đi dàn hàng ngang..*), chưa ý thức được mối nguy hiểm và hiểm họa bất ngờ khi tham gia giao thông đường bộ.

## **II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRẺ EM**

### **1. Công tác chỉ đạo điều hành**

#### **1.1. Thực hiện lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã đưa một số chỉ tiêu cơ bản về trẻ em vào kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội 05 năm, giai đoạn 2021-2025<sup>11</sup>, cụ thể các chỉ tiêu về: xã, phường, thị trấn triển khai Chương trình hành động vì trẻ em; xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt hưởng trợ cấp tại cộng đồng; trẻ em không nơi nương tựa được nuôi dưỡng tại cộng đồng; trẻ em khuyết tật có giấy chứng nhận khuyết tật.

#### **1.2. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội khóa 14 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các giải pháp đảm bảo quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em**

<sup>9</sup> Số liệu Công an tỉnh, Tòa án tỉnh cung cấp báo cáo.

<sup>10</sup> Thành phố Kon Tum 10 em (trong đó 01 TNGT); Đăk Hà 07 em; Đăk Lei 03 em; Đăk Tô 02 em.

<sup>11</sup> Quyết định số 43/2020/QĐ-UBND, ngày 24/12/2020 về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum

Trong năm 2021, ngoài việc tiếp tục triển khai các Văn bản chỉ đạo có liên quan<sup>12</sup>, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Luật trẻ em, các quyền trẻ em và Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030<sup>13</sup>. Đồng thời, chỉ đạo tăng cường công tác phòng chống tai nạn thương tích và đuối nước đối với trẻ em trên địa bàn tỉnh<sup>14</sup>.

Theo đó, Ban Chỉ đạo Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện<sup>15</sup>. Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã ban hành chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện theo chỉ đạo.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành các văn bản chỉ đạo đảm bảo công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em trong tình hình dịch bệnh Covid - 19<sup>16</sup>.

## **2. Công tác phối hợp liên ngành trong đảm bảo thực hiện quyền trẻ em**

Căn cứ Quy chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh<sup>17</sup>, các đơn vị, địa phương đã duy trì tốt công tác phối hợp trong triển khai thực các chính sách, pháp luật có liên quan

<sup>12</sup> Văn bản số: 225/UBND-KGVX, ngày 21/01/2020 về tăng cường các giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 2262/UBND-KGVX, ngày 21/7/2020 về việc triển khai Nghị quyết số 121/2020/QH14, ngày 19/6/2020 của Quốc Hội; Kế hoạch số 602/KH-UBND, ngày 20/3/2019 về việc triển khai thực hiện Đề án chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2018 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 2354/KH-UBND, ngày 11/9/2019 về việc triển khai thực hiện Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2019 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 2362/KH-UBND, ngày 02/7/2020 về triển khai công tác phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em trên địa bàn tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2020 - 2025; Văn bản số 4682/UBND-KGVX, ngày 21/12/2020 về việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh thực hiện Quyết định số 1472/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ triển khai Nghị quyết số 121/2020/QH14 của Quốc Hội...

<sup>13</sup> Kế hoạch số 2026/KH-UBND, ngày 18/6/2021 về triển khai Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 460/QĐ-UBND, ngày 20/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 3387/KH-UBND, ngày 21/9/2021 về triển khai thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái quy định của pháp luật giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

<sup>14</sup> Văn bản số 775/UBND-KGVX ngày 08/3/2021 về việc tăng cường công tác phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em; Văn bản số 1342/UBND-KGVX ngày 28/4/2021 về việc tăng cường công tác phòng, chống đuối nước trẻ em; Văn bản số 1264/UBND ngày 20/4/2021 thực hiện Thông báo số 169-TB/TU ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tỉnh ủy về phòng chống đuối nước trẻ em.

<sup>15</sup> Quyết định số 3305/QĐ-BCĐ, ngày 15/9/2021 của Ban Chỉ đạo về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Văn bản số 439/LĐTBXH-BVCSTE&BDG ngày 26/3/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc tăng cường công tác phòng, chống đuối nước trẻ em.

<sup>16</sup> Văn bản số 488/UBND-KGVX, ngày 06/2/2021 về tiếp tục tăng cường công tác phòng chống dịch Covid 19 cho trẻ em; Văn bản hướng dẫn số 4298/HD-BCĐ, ngày 08/9/2021 về hướng dẫn cách ly, phòng chống dịch Covid - 19 đối với trẻ em; Văn bản số 196/SLĐTBXH-TE, ngày 08/2/2021 về tăng cường các biện pháp phòng chống dịch cho trẻ em; Văn bản số 240/SGDDT-GDTH, ngày 17/2/2021 về tăng cường các biện pháp phòng chống dịch cho trẻ em; Văn bản số 999/SLĐTBXH-TE, ngày 21/6/2021 về tăng cường bảo vệ chăm sóc trẻ em trong đại dịch Covid - 19; Văn bản số 1657/SLĐTBXH-TE, ngày 13/9/2021 về hỗ trợ cho trẻ em bị ảnh hưởng Covid -19; Văn bản số 1657/SLĐTBXH-TE, ngày 09/8/2021 về tăng cường các biện pháp bảo vệ trẻ em phòng chống dịch Covid - 19 cho trẻ em.

<sup>17</sup> Ủy ban Mặt trận tỉnh; Hội Nông Dân tỉnh; Tỉnh đoàn; Hội Liên hiệp phụ nữ...

đến trẻ em<sup>18</sup>; tiếp tục thực hiện Quy chế phối hợp liên ngành<sup>19</sup> theo dõi, giám sát trong quá trình bảo vệ, can thiệp và trợ giúp trẻ em bị xâm hại, cần sự bảo vệ đặc biệt tại từng cấp; duy trì hoạt động và tổ chức họp Hội đồng tư vấn công tác xã hội cấp tỉnh; duy trì hoạt động mô hình phòng điều tra thân thiện tại Công an tỉnh.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về công tác phòng, chống xâm hại trẻ em, khi sự việc xảy ra chỉ đạo Công an và các thành viên Ban điều hành bảo vệ trẻ em cấp huyện vào cuộc để điều tra, xét xử, truy tố theo quy định của pháp luật.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh đã phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên, gia đình, cộng đồng xã hội nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về công tác bảo vệ trẻ em; kiến thức làm cha mẹ, giảm tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, phòng chống các loại dịch bệnh, quy định của pháp luật về tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, các nội dung phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em tham gia phụ giúp gia đình, không để xảy ra tình trạng trẻ em lao động trái quy định của pháp luật; về trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc trẻ em, góp phần hạn chế tình trạng trẻ em bị bạo lực, xâm hại; đặc biệt, tuyên truyền các thông điệp về *"Chung tay bảo đảm thực hiện quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em trong thiên tai, dịch bệnh"* theo chủ đề của năm 2021.

### **3. Công tác tuyên truyền phổ biến Luật trẻ em**

Công tác tuyên truyền phổ biến Luật trẻ em, bảo vệ trẻ em và phòng ngừa trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt ngày càng được chú trọng; thông qua hoạt động truyền thông của các xã, phường, thị trấn; duy trì hoạt động truyền thông cho cha mẹ và trẻ em về bảo vệ trẻ em tại 42 xã có hệ thống bảo vệ trẻ em tại cộng đồng.

Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đã đẩy mạnh công tác truyền thông bằng nhiều hình thức phù hợp như: hợp đồng truyền thông với Báo Kon Tum, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; cung cấp 12.000 tờ gấp về phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em và phòng chống đuối nước trẻ em; 12.000 tờ rơi về phòng chống dịch bệnh Covid-19 cho trẻ em. Cung cấp thông tin, địa chỉ của Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em 111; địa chỉ liên hệ để kết nối các dịch vụ đáp ứng nhu cầu bảo vệ của trẻ em tại tỉnh Kon Tum<sup>20</sup>; Phát hành 160 băng đĩa CD

<sup>18</sup> Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Hội chữ thập đỏ trong công tác từ thiện nhân đạo; phối hợp với Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, Liên đoàn Lao động tỉnh; Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh về chương trình công tác hàng năm bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em.

<sup>19</sup> Quy chế số 355/QCPH-LĐTĐBXH-YT-GDDT-TP-CA-TA ngày 27/3/2015 của các sở, ngành liên quan về quy trình bảo vệ, can thiệp và trợ giúp trẻ em cần sự bảo vệ đặc biệt.

<sup>20</sup> (1) UBND xã; Công an xã; Cán bộ bảo vệ trẻ em cấp xã; (2) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, thành phố; (3) Hội đồng tư vấn Công tác xã hội cấp tỉnh; Phòng Trẻ em-Bình đẳng giới-Phòng chống tệ nạn xã hội, thuộc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Kon Tum, số điện thoại 02603 917 381; (4) Đường dây tư vấn cấp tỉnh: Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội (phòng công tác xã hội trẻ em) tỉnh Kon Tum, số điện thoại tư vấn miễn phí 02603 862 991.

truyền thông, 100 băng rôn các loại; xây dựng 05 phóng sự và 10 tin bài về bảo vệ, chăm sóc trẻ em và phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em.

Đưa các tin bài trong lĩnh vực bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, cổng thông tin điện tử của các sở, ngành<sup>21</sup>; đồng thời, triển khai các hình thức truyền thông mới trên các ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo an toàn, an ninh và hiệu quả.

#### **4. Công tác tổ chức, cán bộ và nâng cao năng lực quản lý, thực hiện quyền trẻ em**

##### ***4.1. Công tác tổ chức và nhân lực làm công tác trẻ em***

- Cấp tỉnh: Theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>22</sup>, Phòng Trẻ em - Bình đẳng giới - Phòng chống tệ nạn xã hội, thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có 06 người, (*04 biên chế, 01 viên chức biệt phái và 01 hợp đồng*), trong đó có 02 cán bộ chuyên trách làm công tác trẻ em.

- Cấp huyện, thành phố: Đã bố trí 01 cán bộ kiêm nhiệm, không có cán bộ chuyên trách làm công tác trẻ em.

- Cấp xã: Đã bố trí 01 cán bộ (*là cán bộ Văn hóa - Xã hội*) kiêm nhiệm, không có cán bộ chuyên trách làm công tác trẻ em.

##### ***4.2. Kiện toàn và phát triển mạng lưới cộng tác viên, tình nguyện viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở cơ sở***

Trước đây nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở cơ sở được giao cho cán bộ y tế thôn làng<sup>23</sup>. Năm 2021, thực hiện Nghị quyết số 36/2020/HĐND, ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh<sup>24</sup>, nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở cơ sở do thôn trưởng, tổ trưởng tổ dân phố kiêm nhiệm<sup>25</sup>; riêng 42 xã có hệ thống bảo vệ trẻ em tại cộng đồng do các cộng tác viên là y tế thôn làng đảm nhiệm<sup>26</sup>.

##### ***4.3. Công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em các cấp***

Trong năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức 06 lớp tập huấn cho đội ngũ cán bộ Ban bảo vệ trẻ em cấp xã 09 xã<sup>27</sup> vùng dự án do tổ chức Unicef hỗ trợ có 120 lượt học viên tham gia. Tuy nhiên, do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nên chưa mở lớp tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em cấp huyện, xã theo kế hoạch năm 2021.

<sup>21</sup> Thông tin và Truyền thông; Lao động - Thương binh và Xã hội; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa, Thể Thao và Du lịch...

<sup>22</sup> về việc tổ chức lại các đơn vị hành chính thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh

<sup>23</sup> Tại Văn bản số 1601/UBND-KGXV, ngày 15/7/2016.

<sup>24</sup> về quy định chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh;

<sup>25</sup> Tại 60 xã với 439 cộng tác viên bảo vệ chăm sóc trẻ em chưa được hưởng phụ cấp nên k còn hoạt động.

<sup>26</sup> 410 cộng tác viên được hưởng phụ cấp 100.000đ/tháng do tổ chức Unicef và kinh phí địa phương duy trì hỗ trợ

<sup>27</sup> Huyện ĐắkLei 03, huyện Tu Mơ Rông 03, huyện Kon Rẫy 03 xã.

## 5. Ngân sách đảm bảo thực hiện các quyền trẻ em

Năm 2021 tổng kinh phí thực hiện cho công tác trẻ em (*thông qua ngành Lao động - Thương binh và Xã hội*) là 3.612 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương: 0 đồng; ngân sách địa phương: 1.060 triệu đồng; vận động xã hội hóa: 1.832 triệu đồng<sup>28</sup>.

Ngoài ra, để thực hiện Luật trẻ em và các Chương trình, Kế hoạch có liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em<sup>29</sup>, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương lồng ghép các nguồn kinh phí từ các chương trình, dự án có liên quan để triển khai thực hiện.

## 6. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu trẻ em

### 6.1. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá

Năm 2021, cấp tỉnh tổ chức 03 đợt kiểm tra, giám sát<sup>30</sup>; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá 02 cuộc tại 06 xã, 02 huyện về mục tiêu bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em<sup>31</sup>.

### 6.2. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu trẻ em

Tiếp tục hướng dẫn các địa phương duy trì cập nhật dữ liệu “*Phần mềm quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở*” theo hướng dẫn của trung ương<sup>32</sup> về triển khai thu thập cập nhật thông tin dữ liệu trẻ em vào phần mềm quản lý đối tượng trẻ em.

Tuy nhiên từ đầu năm 2019, phần mềm quản lý trẻ em (*bản cũ cài đặt trên máy tính*) đã được chuyển sang phiên bản mới nhập liệu trực tiếp trên nền web; cơ sở nhập liệu thường hay bị lỗi, phần mềm chạy chậm; cách chuyển đổi sang phiên bản mới bị mất dữ liệu không khôi phục được. Bên cạnh đó, một số xã vùng sâu, vùng xa thiếu máy tính phải dùng chung; kết nối mạng chưa ổn

<sup>28</sup> Trong đó: Quỹ BTTE tỉnh vận động từ các tổ chức, cá nhân, các nhà tài trợ, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tổng kinh phí là 1.832 triệu đồng; hỗ trợ chi phí phẫu thuật tim bẩm sinh 599 triệu đồng, suất môi 36 triệu đồng, học bổng tiền mặt 300 triệu đồng, Quỹ sữa vươn cao 462 triệu đồng, gói mì hạnh phúc 112 triệu đồng, bảo hiểm nhân thọ cho học sinh 100 triệu đồng...

<sup>29</sup> Quyết định số 06/QĐ-TTg, xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; Quyết định số 23/QĐ-TTg, Chương trình hành động vì trẻ em; Quyết định số 782/QĐ-TTg, Chương trình hành động quốc gia giảm thiểu lao động trẻ em; Quyết định số 1248/QĐ-TTg, Chương trình phòng chống tai nạn thương tích trẻ em; Quyết định số 1863/QĐ-TTg, Chương trình phòng chống bạo lực xâm hại trẻ em ...

<sup>30</sup> (Đợt 1 do Đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn; Đợt 2 do Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh làm Trưởng đoàn; đợt 3 do Ban Tuyên giáo tỉnh ủy làm Trưởng đoàn) giám sát đánh giá việc thực hiện các quy định tại Điều 90 (Luật số 102/2016/QH13 Luật trẻ em) về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong thực hiện quản lý nhà nước về trẻ em; đánh giá việc thực hiện Kế hoạch 38-KH/TU; đánh giá việc thực hiện các mục tiêu về bảo vệ trẻ em; đánh giá hệ thống BVTE tại cộng đồng; kiểm tra việc triển khai thực hiện xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; chương trình quyền tham gia của trẻ em; phòng chống tai nạn thương tích, HIV/AIDS trong trẻ em.

<sup>31</sup> Đánh giá hệ thống BVTE tại cộng đồng, mô hình Câu lạc bộ quyền tham gia của trẻ em, xã phường phù hợp với trẻ em; phối hợp đánh giá các mục tiêu về y tế, giáo dục, nước sạch vệ sinh môi trường, mục tiêu vui chơi giải trí trong chương trình hành động vì trẻ em tại cấp huyện, xã.

<sup>32</sup> Văn bản số 266/TE-KHTH, ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Cục Trẻ em, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

định; trình độ của cán bộ làm công tác trẻ em cấp xã vùng khó khăn chưa đáp ứng được yêu cầu mới về công nghệ thông tin hiện nay. Do đó, đến nay toàn tỉnh chỉ có 70% xã, phường, thị trấn cập nhật được dữ liệu trẻ em vào phần mềm dữ liệu.

### **7. Công tác hợp tác quốc tế thực hiện quyền trẻ em**

Hiện nay trên địa bàn tỉnh đang triển khai thực hiện dự án liên quan đến trẻ em, cụ thể:

- Tổ chức Plan tại Kon Tum hỗ trợ hoạt động trợ giúp trẻ em, bảo vệ trẻ em, nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở làm công tác trẻ em. Theo đó, tổ chức Plan ký kết trực tiếp với các huyện Kon Plông và Kon Rẫy triển khai Dự án tại 08 xã, thuộc 02 huyện về triển khai thực hiện các hoạt động tại cơ sở về lĩnh vực bảo vệ trẻ em, y tế, giáo dục, vệ sinh môi trường.

- Tổ chức Unicef triển khai các hoạt động trong Dự án phát triển trẻ thơ toàn diện, các hợp phần về bảo vệ trẻ em, về giáo dục, về y tế; triển khai trên địa bàn 09 xã và 03 huyện của tỉnh Kon Tum (*huyện Kon Rẫy, Tu Mơ Rông và huyện Đăk Glei*). Dự án thực hiện tại tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017 - 2021 sử dụng vốn ODA do Unicef tài trợ, có tổng kinh phí 3.600.584 USD<sup>(33)</sup>. Mục tiêu của dự án là nhằm đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền sống còn, phát triển, giáo dục và được bảo vệ của trẻ em, bao gồm tất cả trẻ em là các đối tượng của dự án và thành viên gia đình các em, đặc biệt là những người trong các nhóm dễ bị tổn thương.

- Dự án Chương trình giảm thiểu các rào cản đối với hoạt động học tập của trẻ mầm non huyện khó khăn giai đoạn 2017 - 2021, kinh phí 534.220 EUR; Tổ chức tài trợ VVOB (Bi) xây dựng 02 trường Mầm non trên địa bàn thành phố Kon Tum. Kinh phí 1.025.274 USD; vận động từ các dự án hỗ trợ cho các mục tiêu vì trẻ em qua các sở, ngành, các cấp<sup>34</sup> bao gồm 07 dự án do 5 tổ chức phi chính phủ cam kết tài trợ có liên quan đến trẻ em; tổng số vốn cam kết là: 729.125 USD, trong đó có 01 dự án chuyển tiếp là 77.131 USD và 06 dự án vận động mới là 651.994USD; các dự án tập trung vào các lĩnh vực y tế, phúc lợi xã hội và giáo dục; Chương trình học bổng Shinnyo-en dành cho học sinh trên địa bàn tỉnh, kinh phí 18.000 USD.

## **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VỀ TRẺ EM**

### **1. Mục tiêu về bảo vệ trẻ em và quyền tham gia của trẻ em**

#### **1.1. Bảo vệ trẻ em**

Duy trì hoạt động có hiệu quả 42 xã có mô hình hệ thống bảo vệ trẻ em tại cộng đồng; 02 mô hình phòng điều tra thân thiện tại Công an tỉnh; 01 mô hình Hội đồng tư vấn công tác xã hội cấp tỉnh tư vấn trợ giúp trẻ em; 01 mô

<sup>33</sup> Dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-UBND ngày 29/12/2017.

<sup>34</sup> Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo.



hình dịch vụ công tác xã hội trẻ em cấp tỉnh<sup>35</sup>; 01 mô hình chăm sóc bán trú ban ngày cho 30 trẻ em khuyết tật tại Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh; Duy trì 51 xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em.

Công tác bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt thực hiện chính sách, cơ chế phối hợp: Chính sách đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tiếp tục được thực hiện theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Cơ chế phối hợp được tiếp tục thực hiện theo Quy chế phối hợp liên ngành số 355/QCPH-LĐTĐ-BHXH-YT-GDDT-TP-CA-TA, ngày 27 tháng 3 năm 2015 của các sở, ngành liên quan về quy trình bảo vệ, can thiệp và trợ giúp trẻ em cần sự bảo vệ đặc biệt tại từng cấp, từng ngành; thực hiện tại các dịch vụ công tác xã hội (*Hội đồng tư vấn CTXH cấp tỉnh, Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh*) và tại 42 xã có mô hình hệ thống bảo vệ trẻ em tại vào cộng đồng. Thực hiện can thiệp, trợ giúp kịp thời cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; trợ giúp trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em chưa ngoan tại cộng đồng; trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt sống trong gia đình có các vấn đề xã hội phức tạp.

- Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp vận động hỗ trợ can thiệp và trợ giúp cho hơn 20.000 lượt trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn tỉnh<sup>36</sup>; phối hợp với Bệnh viện Hoàn Mỹ Đà Nẵng khám sàng lọc tim bẩm sinh cho trẻ em trên địa bàn tỉnh Kon Tum có 5.141 trẻ em tham gia khám, được thăm khám, được tư vấn miễn phí<sup>37</sup>; trong đó phát hiện bệnh và chỉ định phẫu thuật là 34 trẻ em<sup>38</sup>; kết nối các Nhà tài trợ hỗ trợ kinh phí để phẫu thuật miễn phí cho trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh.

## ***1.2. Thực hiện Quyền tham gia của trẻ em***

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục phối hợp với các địa phương duy trì 21 mô hình Câu lạc bộ Quyền tham gia của trẻ em; bằng nhiều loại hình tổ chức ở các cấp để trẻ em được tham gia, thể hiện quyền được tham gia và bày tỏ ý kiến của mình, có 1.050 trẻ em tham gia Câu lạc bộ; ngoài ra các em tham gia mô hình Câu lạc bộ trẻ em và nhóm trẻ em nòng cốt, Câu lạc bộ phóng viên nhỏ...; tổ chức 01 đợt tập huấn nghiệp vụ nâng cao năng lực về xây dựng mô hình Câu lạc bộ Quyền tham gia của trẻ em cho đội ngũ học sinh là

<sup>35</sup> Phòng công tác xã hội trẻ em tại Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh.

<sup>36</sup> cụ thể: Thăm tặng quà Tết nguyên đán năm 2021: Các huyện, thành phố đã tổ chức thăm tặng quà Tết cho 3.288 trẻ em tại cộng đồng, tổng trị giá 322.900.000 đồng; các thành viên hội đồng điều hành Quỹ trao tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh: Hội Liên hiệp Phụ nữ trao tặng cho 120 em nhận quà trực tiếp và 02 trường học nhận thiết bị trường học tổng kinh phí là: 118.000.000 đồng; Hội Bảo vệ quyền trẻ em và người khuyết tật vận động các nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh ủng hộ tiền và vật chất phối hợp nhóm thiện nguyện tổ chức thăm tặng 610 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và khuyết tật với tổng trị giá là 138.600.000 đồng; Hoạt động Tết Trung thu các cấp, ngành toàn tỉnh đã tổ chức và thăm và tặng quà cho 61.045 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và vượt khó học giỏi, tổng kinh phí quà tặng trị giá 1,768 tỷ đồng.

<sup>37</sup> Huyện Đắk Glei: 568 trẻ em tham gia; Huyện Ngọc Hồi 296 trẻ em; Huyện Tu Mơ Rông 785 trẻ em; Huyện Đắk Tô 843 trẻ em; Huyện Kon PLông 481 trẻ em; Huyện Kon Rẫy 562 trẻ em; Tp.Kon Tum và Đắk Hà 283 trẻ em; Sa Thầy 772 trẻ em; Huyện Ia H'Drai 570 trẻ em...

<sup>38</sup> Huyện Đắk Glei: 3 ca; Huyện Ngọc Hồi 2 ca; Huyện Tu Mơ Rông 4 ca; Huyện Đắk Tô 3 ca; Huyện Kon Rẫy 3 ca; Huyện Đắk Hà 4 ca; Tp.Kon Tum 10 ca; Huyện Sa Thầy 3 ca; Huyện Ia H'Drai 3 ca; Huyện Kon PLông 05 ca.

thành viên sinh hoạt trong Câu lạc bộ Quyền tham gia của trẻ em; tạo điều kiện cho cán bộ Tổng phụ trách đội và trẻ em nắm vững kiến thức, quy trình, nghiệp vụ sinh hoạt Câu lạc bộ; nhất là các em học sinh được tiếp cận các thông tin, trao đổi kinh nghiệm trong công tác xây dựng mô hình và sinh hoạt trong Câu lạc bộ Quyền tham gia của trẻ em. Đồng thời, các đơn vị, địa phương đang tiếp tục triển khai mục tiêu thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề của trẻ em (*mục tiêu 4*) tại Kế hoạch số 2026/KH-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>39</sup>.

Tỉnh đoàn đã thành lập Hội đồng trẻ em nhằm đại diện cho trẻ em bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của trẻ em để trao đổi, đối thoại với đại diện Hội đồng nhân dân các cấp về các vấn đề liên quan đến trẻ em tại địa phương. Theo đó, Tỉnh Đoàn đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành, đơn vị liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện mô hình này từ năm 2019; phối hợp với PLAN International Vietnam triển khai dự án thành lập và hỗ trợ hoạt động của câu lạc bộ Hội đồng Trẻ em, triển khai thí điểm ở cấp tỉnh và huyện Kon Rẫy; phối hợp và đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức 01 cuộc đối thoại với trẻ em với 70 trẻ em tham gia.

Ngoài ra, các cấp đã tổ chức cho các em được tham gia cuộc thi thiếu nhi kể chuyện theo sách; tham gia Hội trại liên hoan văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao do địa phương tổ chức; tham gia sinh hoạt trong các câu lạc bộ dành cho trẻ em, tham gia trong nhóm trẻ em nông cốt; tham gia các cuộc thi sáng tác, vẽ tranh về nội dung thực hiện quyền của trẻ em có 5.800 lượt trẻ em tham gia. Tuy nhiên, một số lượng lớn trẻ em, đặc biệt là trẻ em vùng sâu, vùng xa chưa được tham gia các hoạt động xã hội thường xuyên, chưa có cơ chế lấy ý kiến trẻ em tham gia vào các chương trình, kế hoạch lớn liên quan đến trẻ em tại địa phương.

## **2. Mục tiêu sức khỏe, dinh dưỡng**

- Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (SDD) cân nặng/tuổi ước đạt 19,5%; Tỷ lệ SDD (*chiều cao/tuổi*) ở trẻ em dưới 5 tuổi ước đạt 33%; Tiêm chủng mở rộng: Tỷ lệ trẻ dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 95%; Tiêm chủng mở rộng, triển khai áp dụng Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia trên địa bàn toàn tỉnh; Triển khai Chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin viêm não Nhật Bản cho đối tượng 36-60 tháng tuổi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Đạt được kết quả trên là sự nỗ lực thực hiện các hoạt động: Duy trì thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh, thực hiện tốt công tác giám sát các bệnh truyền nhiễm trong tiêm chủng mở rộng. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền phòng chống suy dinh dưỡng tại thôn, làng (*lồng ghép với tuyên truyền các hoạt động chăm sóc sức khỏe khác*); tuyên truyền hưởng ứng “Tuần lễ Thế giới nuôi con bằng sữa mẹ”. Duy trì thường xuyên, đều đặn công tác theo dõi cân nặng và chiều cao, đánh giá tình trạng dinh dưỡng và theo dõi

<sup>39</sup> về triển khai Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

tăng trưởng của trẻ dưới 2 tuổi và trẻ dưới 5 tuổi SDD. Tỷ lệ trẻ dưới 02 tuổi được cân, đo ít nhất 3 tháng/lần đạt trên 91%, tỷ lệ trẻ SDD được theo dõi hàng tháng đạt trên 86%. Tổ chức chiến dịch cân, đo toàn bộ trẻ dưới 5 tuổi, kết hợp trong ngày uống Vitamin A phòng chống thiếu vitamin A: Triển khai can thiệp bổ sung vitamin A cho trẻ từ 06-60 tháng tuổi 02 lần/năm, nhằm giúp phòng chống mù lòa do thiếu Vitamin A và nâng cao khả năng miễn dịch, giảm tỷ lệ mắc bệnh, góp phần giảm tỷ lệ SDD, tỷ lệ trẻ từ 06-60 tháng tuổi uống Vitamin A đạt trên 97%.

- Hoạt động sức khỏe bà mẹ - làm mẹ an toàn và chăm sóc trẻ em; hỗ trợ kỹ thuật dịch vụ về làm mẹ an toàn và chăm sóc trẻ sơ sinh cho cơ sở cung cấp dịch vụ tuyến xã tại 06 huyện<sup>40</sup>; tổ chức 08 buổi hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề về "Chăm sóc trẻ 1000 ngày đầu đời" cho 385 bà mẹ mang thai, bà mẹ có con dưới 5 tuổi tại 08 xã/04 huyện<sup>41</sup> có tỷ lệ trẻ SDD cao. Giám sát việc triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em tại các Trạm Y tế xã và cô đỡ thôn bản, đặc biệt chú trọng hoạt động quản lý thai nghén, giảm sinh tại nhà; Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em, tổ chức 06 lớp tập huấn về hướng dẫn triển khai chiến dịch bổ sung Vitamin A kết hợp với tẩy giun và cân trẻ cho đội ngũ y tế thôn và Trạm Y tế xã tại 08 xã thuộc huyện Đăk Glei và Tu Mơ Rông. Duy trì thường xuyên, đều đặn công tác theo dõi cân nặng và chiều cao, đánh giá tình trạng dinh dưỡng và theo dõi tăng trưởng trẻ em dưới 02 tuổi và trẻ dưới 05 tuổi SDD.

Các chỉ số chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng của tỉnh tuy đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận nhưng vẫn còn thấp so với toàn quốc và khu vực Tây Nguyên. Tuy nhiên tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi và chiều cao/tuổi còn cao và có sự chênh lệch giữa các địa bàn trong tỉnh; giảm không đều, không bền vững qua các năm. Công tác thu thập số liệu của cơ sở còn nhiều bất cập, thiếu chính xác nên một số thông tin chưa phản ánh đúng thực trạng trên địa bàn tỉnh (*như tử vong trẻ em, tử vong mẹ*). Tỷ lệ tiêm chủng tại các huyện không đồng đều; tỷ lệ tiêm vắc xin chưa đạt tiến độ 8%/tháng. Tỷ lệ sinh đẻ tại nhà đã giảm nhiều trong những năm qua nhưng vẫn còn cao; An ninh lương thực hộ gia đình ở những vùng khó khăn chưa đảm bảo; Kiến thức, thực hành dinh dưỡng chưa hợp lý còn phổ biến ở các bà mẹ và các thành viên trong gia đình, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Nguồn ngân sách của Nhà nước đầu tư cho chương trình dinh dưỡng còn hạn chế, chủ yếu là nguồn kinh phí Trung ương, nên chưa đáp ứng được nhu cầu cần thiết để đạt được toàn bộ các mục tiêu của Chiến lược.

### **3. Mục tiêu nước sạch, vệ sinh môi trường**

Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 92%; Bỏ nhiều nguồn vốn huy động từ Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và các chương trình dự án đầu tư trên địa bàn nông

<sup>40</sup> Sa Thầy, Đăk Glei, Ngọc Hồi, Kon Plông, Kon Rẫy, Tu Mơ Rông

<sup>41</sup> Đăk Glei, Ngọc Hồi, Tu Mơ Rông và Đăk Hà

thôn trên địa bàn tỉnh<sup>42</sup> đã đầu tư xây dựng mới và tu sửa nâng cấp nhiều công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, nhà tiêu hợp vệ sinh; xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình; nâng cao hiệu quả công tác quản lý vận hành và bảo dưỡng các công trình cấp nước tập trung. Tiếp tục huy động, lồng ghép nhiều nguồn lực để đầu tư xây dựng nhiều công trình cấp nước tập trung, tăng tỷ lệ số hộ dân được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh trên địa bàn nông thôn tỉnh; hướng dẫn về chuyên môn và tăng cường kiểm tra công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng các công trình cấp nước tập trung nông thôn nhằm đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho người dân nói chung và trẻ em trên địa bàn tỉnh nói riêng.

Tuy nhiên, ý thức bảo vệ, quản lý và sử dụng công trình của người dân, nhất là vùng sâu, vùng xa còn hạn chế; đời sống của người dân còn nghèo, thu nhập thấp đã ảnh hưởng đến việc chi trả tiền sử dụng nước, trong khi đó vốn đầu tư tu sửa, nâng cấp các công trình cấp nước tập trung chưa đáp ứng yêu cầu nên công trình nhanh hư hỏng, xuống cấp; Công nghệ cấp nước còn lạc hậu, chủ yếu là lọc thô nên chất lượng nước đạt QCVN: 02 còn thấp.

#### **4. Mục tiêu giáo dục**

Các mục tiêu về giáo dục đã đạt so với kế hoạch đề ra, chất lượng giáo dục đã từng bước được nâng lên, nhất là đối với học sinh DTTS. Các chính sách cho trẻ em trong trường học được thực hiện đầy đủ theo quy định như: Chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo, chính sách hỗ trợ cho trẻ em bán trú...

Công tác xã hội hóa được chú trọng và đã vận động được nhiều nguồn lực hỗ trợ đảm bảo đủ sách giáo khoa và vở cho học sinh vùng khó khăn trong năm học 2020 - 2021. Phát huy hiệu quả một số chương trình, dự án tại tỉnh nhằm góp phần hỗ trợ nâng cao hiệu quả giáo dục; Công tác giáo dục trong nhà trường cho các em học sinh (*độ tuổi trẻ em*) cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở được tiếp tục khai giảng theo thời gian quy định; tuy nhiên tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, một số trường chuyển sang học trực tuyến.

Tiếp tục đẩy mạnh, tăng cường các biện pháp đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện trong nhà trường. Cây xanh trong sân trường được kiểm tra phòng ngừa đổ vào mùa mưa; phương tiện vui chơi giải trí ở trong sân trường mầm non được kiểm tra phòng chống tai nạn thương tích; bếp ăn bán trú quản lý chặt chẽ nguồn thực phẩm sử dụng, đảm bảo vệ sinh phòng nấu, phòng ăn. Trong trường học không có trường hợp học sinh bị tai nạn, bạo lực, xâm hại; công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật được tiến hành thường xuyên qua lồng ghép vào sinh hoạt ngoại khóa, nhân ngày Pháp luật. Học sinh được nghe nói chuyện về Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá; Luật Giao thông đường bộ; Luật trẻ em; Luật Bình đẳng giới và một số Luật khác cần thiết đối với trẻ em.

Tuy nhiên, không ít các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở còn thiếu phòng chức năng, trang thiết bị dạy học, hệ thống nước sinh hoạt, công

<sup>42</sup> như: Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; dự án vệ sinh tổng thể do cộng đồng làm chủ

trình vệ sinh chưa đảm bảo yêu cầu thiết yếu trong sinh hoạt của thầy và trò nhất là các trường phổ thông dân tộc bán trú cấp tiểu học và Trung học cơ sở, các điểm trường lẻ rất khó khăn; tỷ lệ giáo viên mầm non/lớp là 1,5 giáo viên/nhóm, lớp (2.394 giáo viên/1.590 nhóm, lớp), chưa đảm bảo so với quy định<sup>43</sup> tình trạng học sinh đi học không chuyên cần rơi vào trẻ em người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

### 5. Mục tiêu văn hóa, vui chơi giải trí

Tính đến nay toàn tỉnh hiện có 142 điểm vui chơi, trong đó số điểm do cấp tỉnh quản lý 04 điểm, số điểm do cấp huyện quản lý 10 điểm, số điểm do cấp xã, phường, thị trấn (*trường học*) quản lý 128 điểm.

Thiết chế văn hóa cơ sở: Có 01 Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh; 62 thư viện, phòng đọc; 61 tủ sách; 55 Nhà văn hóa cấp xã; 447 nhà rông văn hóa sinh hoạt cộng đồng; 28 bể bơi; 19 Sân vận động (*trong đó 4 sân có khán đài và 15 sân không có khán đài*). Các thiết chế cơ sở trên địa bàn tỉnh đã tổ chức tốt các hoạt động vui chơi giải trí và các lớp học năng khiếu cho trẻ em.

Duy trì hoạt động 200 câu lạc bộ thể thao cơ sở; 43 câu lạc bộ gia đình hạnh phúc; 23 câu lạc bộ phòng/chống bạo lực gia đình. Các câu lạc bộ trên đều tạo điều kiện để trẻ em được tham gia.

Ngoài ra, Bảo tàng tỉnh, Di tích Ngục Kon Tum mở cửa tổ chức đón tiếp các đoàn tham quan là học sinh của các trường Phổ thông trung học, Trung học cơ sở, Tiểu học trên địa bàn tỉnh đến tham quan và học tập có 1.240 lượt học sinh đến tham quan, học tập và tham gia các hoạt động quảng bá bản đồ Trường Sa, Hoàng Sa là của Việt Nam. Việc mở rộng khuôn viên trưng bày ngoài trời của Bảo tàng tỉnh để trở thành nơi sinh hoạt tham quan, học tập và là nơi vui chơi giải trí thực sự bổ ích cho trẻ em, là món quà tinh thần khi trẻ em đến với Bảo tàng;

Ngoài ra, các cấp, các ngành đã tổ chức nhiều hoạt động vui chơi giải trí đa dạng và phong phú cho trẻ em như: Hội diễn văn nghệ, thi kể chuyện, thi bơi lội, tập luyện các môn thể thao võ thuật, bóng đá, bóng bàn, cầu lông, các trò chơi dân gian, đồ vui, cắm trại, dã ngoại về nguồn, tìm hiểu lịch sử thu hút hàng ngàn trẻ em tham gia vui chơi lành mạnh, nâng cao sức khỏe.

Tuy nhiên, hầu hết các huyện chưa có Nhà văn hóa Thiếu nhi, chưa có khu vui chơi giải trí dành riêng cho trẻ em, các thiết chế văn hóa chủ yếu phục vụ cho hoạt động cộng đồng; cấp huyện, thành phố chưa dành riêng quỹ đất xây dựng khu vui chơi giải trí cho trẻ em và xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở. Việc đầu tư điểm vui chơi gắn trong trường học được bảo quản và sử dụng tốt, tuy nhiên chưa bố trí nguồn tài chính để duy trì và bảo dưỡng hàng năm, nên công trình có xuống cấp. Các điểm vui chơi, thiết bị còn sơ sài, có từ 04 đến 05 loại thiết bị. Phần lớn các xã vùng sâu, vùng xa chưa có điểm vui chơi, giải trí dành riêng cho trẻ em.

---

<sup>43</sup>Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/03/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở Giáo dục mầm non công lập.

*(Chi tiết kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu theo phụ lục - kèm theo)*

## **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

- Hệ thống chính sách, pháp luật về trẻ em ngày càng được hoàn thiện, đặc biệt là Luật trẻ em<sup>44</sup>. Sự quan tâm lãnh đạo chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; sự phối hợp đồng bộ của các Sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong triển khai công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Công tác quản lý nhà nước về trẻ em ở các cấp được tăng cường và đạt được một số kết quả khả quan; việc huy động sử dụng nguồn lực để thực hiện các mục tiêu vì trẻ em ngày càng có hiệu quả; công tác giáo dục, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em được cải thiện đáng kể; công tác bảo vệ, xây dựng môi trường sống an toàn và lành mạnh cho trẻ em được chú trọng; đời sống văn hóa tinh thần, vui chơi giải trí, phúc lợi xã hội và các quyền dành cho trẻ em ngày càng được nâng lên.

- Nhận thức của gia đình, cộng đồng và xã hội về bảo vệ trẻ em đã từng bước được nâng lên; sự phối hợp chung tay của cộng đồng về chăm sóc và bảo vệ trẻ em được quan tâm, cha mẹ và người chăm sóc trẻ có con từ 0-08 tuổi tham gia các lớp tập huấn truyền thông làm cha mẹ không ai hoàn hảo tại các xã vùng dự án đạt 75%.

### **2. Khó khăn, hạn chế**

- Thiếu các dịch vụ công tác xã hội cấp huyện hỗ trợ can thiệp cho trẻ em cần sự bảo vệ đặc biệt; trong khi trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ngày càng tăng về số lượng và có tính phức tạp; môi trường có nguy cơ ảnh hưởng bởi các tệ nạn xã hội, xâm hại trẻ em gia tăng tiềm ẩn sự mất an toàn đối với trẻ em.

- Tình trạng trẻ em bị xâm hại tình dục; trẻ em bị tử vong do đuối nước, tai nạn giao thông chưa giảm; trẻ em sống trong gia đình có các vấn đề xã hội như cha mẹ ly hôn, vi phạm pháp luật, gia đình có người nhiễm HIV, ma túy, đang thi hành án còn cao làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ em.

- Mô hình bảo vệ trẻ em quy mô còn nhỏ, phạm vi còn hẹp, chưa có đủ điều kiện kinh phí để nhân rộng mô hình hệ thống bảo vệ trẻ em tại cộng đồng và các mô hình khác liên quan đến trẻ em tại cộng đồng.

- Công tác thu thập số liệu, cập nhật phần mềm còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế, thiếu máy móc trang thiết bị hỗ trợ cập nhật phần mềm, thiếu cán bộ chuyên trách cấp cơ sở, thiếu đội ngũ cộng tác viên thôn làng, tổ dân phố làm công tác trẻ em.

### **3. Nguyên nhân hạn chế**

- Kon Tum là một tỉnh miền núi, điều kiện tự nhiên không thuận lợi, đồng

---

<sup>44</sup> Đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 05/4/2016 và có hiệu lực từ 01/6/2017.

bào người DTTS chiếm tỷ lệ cao, sống rải rác, trình độ dân trí thấp, hạ tầng cơ sở chưa đồng bộ, đời sống mọi mặt của Nhân dân tuy có bước cải thiện nhưng vẫn còn ở mức thấp, tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn cao và tập trung chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa. Thời tiết, khí hậu, tình hình dịch bệnh diễn biến ngày càng phức tạp, tác động tiêu cực đến sức khỏe, đời sống người dân, đặc biệt là đối với trẻ em.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em ở cơ sở năng lực còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới dẫn đến cập nhật cơ sở dữ liệu thống kê từ cơ sở chưa đầy đủ, thiếu chính xác; chưa có chính sách hỗ trợ phụ cấp phù hợp cho đội ngũ công tác viên làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em ở thôn làng nên một số xã giao cho cán bộ thôn kiêm nhiệm.

- Nguồn kinh phí phân bổ hằng năm chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em tại cộng đồng; chưa có kinh phí nhân rộng các mô hình hệ thống bảo vệ trẻ em tại cộng đồng. Các hoạt động truyền thông đều phải lồng ghép vào các chương trình khác, chưa thường xuyên liên tục, hiệu quả chưa cao.

- Nguồn lực vận động xã hội hóa công tác trẻ em gặp nhiều khó khăn, khó vận động khai thác các nguồn lực, thu hút sự đầu tư trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, trong đó có đầu tư cho trẻ em.

## **V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI**

**1.** Tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả Luật trẻ em; Nghị quyết của Quốc hội<sup>45</sup>; các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ<sup>46</sup>; chỉ đạo của Tỉnh ủy<sup>47</sup> và Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>48</sup> về công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; tập trung thực hiện hiệu quả Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh<sup>49</sup>.

**2.** Tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức pháp luật về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em nhằm ngăn chặn và hạn chế bạo lực xảy ra đối với trẻ em; nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương, cơ quan công an xử lý các vụ việc bạo lực gia đình ảnh hưởng đến trẻ em; bóc lột, lạm dụng tình dục và các hình thức xâm hại khác đối với trẻ em.

**3.** Tăng cường công tác quản lý nhà nước về trẻ em; kiểm tra, đánh giá các mục tiêu vì trẻ em; tổ chức tập huấn kỹ năng, phương pháp nâng cao năng

<sup>45</sup> Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em.

<sup>46</sup> Chỉ thị 18/CT-TTg, ngày 16/5/2017 về tăng cường giải pháp phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em; Chỉ thị số 23/CT-TTg, ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em.

<sup>47</sup> Tại Kế hoạch số 38-KH/TU, ngày 22/01/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới".

<sup>48</sup> Tại Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 13/5/2013 về ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Kế hoạch số 38-KH/TU; Văn bản số 4682/UBND-KGVX, ngày 21/12/2020 của UBND tỉnh về việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh thực hiện Quyết định số 1472/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ

<sup>49</sup> Theo Kế hoạch số 2026/KH-UBND, ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh về Triển khai Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

lực cho đội ngũ cán bộ, công tác viên, tình nguyện viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp cơ sở.

4. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tăng cường thực hiện các mục tiêu vì trẻ em; tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các cuộc vận động, các phong trào quần chúng có lòng ghép thực hiện các mục tiêu vì trẻ em.

5. Tiếp tục vận động sự tham gia của các tổ chức Unicef, tổ chức Plan và các tổ chức Phi chính phủ trong việc tham chiếu, thực hiện hiệu quả các mô hình bảo vệ trẻ em và các mục tiêu bảo vệ trẻ em trên địa bàn tỉnh.

## **VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **1. Đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương**

- Có cơ chế phối hợp liên ngành trong triển khai thực hiện quyền trẻ em thống nhất, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương; hướng dẫn triển khai hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 để địa phương triển khai, thực hiện

- Có chính sách hỗ trợ, đãi ngộ cho đội ngũ công tác viên làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em ở cơ sở; hướng dẫn cơ chế chính sách và định mức chi cụ thể hỗ trợ trẻ em bị bạo lực, ngược đãi, xâm hại tình dục, tử vong do tai nạn thương tích...<sup>50</sup>;

- Quan tâm bố trí kinh phí để triển khai thực hiện một số Chương trình, kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt như: Xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em, Chương trình phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em, Chương trình phòng chống HIV/AIDS, Chương trình phòng ngừa lao động trẻ em...Đồng thời, có cơ chế, chính sách hỗ trợ địa phương duy trì các mô hình như: Hệ thống bảo vệ trẻ em tại cộng đồng; Câu lạc bộ quyền tham gia của trẻ em, nhóm trẻ em nòng cốt; Mô hình thăm dò ý kiến trẻ em; mô hình Hội đồng trẻ em; các chương trình, hoạt động do trẻ em khởi xướng..

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sớm hoàn thiện phần mềm cập nhật dữ liệu quản lý trẻ em tại cơ sở (*hiện nay phần mềm khởi động chậm hay bị lỗi và mất dữ liệu*) nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả, phục vụ cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đạt kết quả tốt hơn.

### **2. Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh**

Hàng năm có kế hoạch giám sát thực hiện Luật trẻ em tại địa phương theo quy định tại khoản 3, Điều 79 Luật số 102/2006/QH13 và tại điểm a, khoản 6, Điều 2 của Nghị quyết số 121/2020/QH14 nhằm nâng cao vai trò trách nhiệm của các cấp chính quyền trong việc phối hợp thực hiện quyền trẻ em và các vấn

<sup>50</sup> Các nội dung trên chưa có quy định trong Thông tư số 98/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ tài chính về việc Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020.



đề liên quan đến trẻ em; kịp thời kiến nghị chấn chỉnh những vấn đề phát sinh (nếu có).

Trên đây là kết quả thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề trẻ em trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- Thường trực Tỉnh uỷ (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXX, HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Lưu: VT, KGVX. NTMD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Y Ngọc**

**Phụ lục**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU**  
**BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM**  
*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2021*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

TT	Nội dung Mục tiêu/Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Ước năm 2021	KH 2022	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Dân số trẻ em</b>					
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	194.150	198.327		Cục Thống kê
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16/tổng dân số	%	34,98	34,99		
2	Tổng số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	75.151	76.933		
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%	13,54	13,57		
3	Số người chưa TN từ 16 đến <18 tuổi	Người	19.614	21.316		
	Tỷ lệ người CTN 16-<18/tổng dân số	%	3,53	3,76		
<b>II</b>	<b>Mục tiêu về Sức khỏe dinh dưỡng</b>					
1	Tổng số trẻ sinh ra trong năm	Người	10.993			Sở Y tế
	Tỷ lệ trẻ sơ sinh nhẹ cân (dưới 2.500 gram)	%	3,4	3,7	<4	
2	Tỷ suất tử vong trẻ dưới 05 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	(‰)	50,2	50	49,8	
	Tỷ suất tử vong trẻ dưới 01 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	(‰)	32,6	32,4	32,2	
	Tỷ số tử vong mẹ (trên 100.000 trẻ đẻ sống).	(‰00)	27,2	23,5	34,1	
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi SDD cân nặng theo tuổi	%	Viện Dinh dưỡng - Bộ Y tế chưa công bố	19,5	18,8	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi SDD chiều cao theo tuổi	%		33	32,7	
4	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ	%	97,6	95	95	
5	Tổng số trạm y tế xã, phường	Trạm	99	99	99	
	Trong đó số trạm có bác sĩ	xã	99	99	99	
6	Tổng số xã đạt tiêu chuẩn cộng đồng an toàn PCTNTT	xã	2	2	2	
	Tỷ lệ xã đạt/Tổng số xã, phường, thị trấn	%	1,96	1,96	1,96	

<b>III</b>	<b>Mục tiêu về nước sạch vệ sinh môi trường</b>					
1	Tổng số dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	(%)	90	92	>92	
<b>IV</b>	<b>Mục tiêu về Giáo dục</b>					
1	Tổng số xã, phường đạt phổ cập mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Xã	102	102	102	Sở Giáo dục và Đào tạo
	Tổng số xã, phường được công nhận phổ cập Tiểu học	Xã	102	102	102	
	Tổng số xã, phường được công nhận phổ cập THCS	Xã	102	102	102	
2	Tổng số trẻ em đi học nhà trẻ/Tổng số trẻ trong độ tuổi	Người	3.950/ 25.726	4.342/ 25.819		
		(%)	15,35	16,82	18	
3	Tổng số trẻ em 3-5 tuổi đi học mẫu giáo	Người	35.000/ 38.830	35.403/ 38.814		
		(%)	90,14	91,21	92	
4	Tổng số trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo/Tổng số trẻ trong độ tuổi	Người	12.763/ 12.819	12.992/ 13.049		
		(%)	99,56	99,56	99,6	
5	Tổng số trẻ 6 tuổi vào lớp 1/Tổng số trẻ trong độ tuổi	Người	12.904/ 12.906	13.652/ 13665		
		(%)	99,9	99,9	99,9	
6	Tổng số trẻ học hết chương trình tiểu học vào lớp 6/Tổng số trẻ trong độ tuổi	Người	11.225/ 11357	11.082/ 11.031		
		(%)	98,83	99,54	99,6	
7	Tổng số trẻ từ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi bỏ học/tổng số trẻ trong độ tuổi.	Người				
		(%)				
	Trong đó: - Tiểu học	(%)	0,11	0,08	0,07	
	- Trung học cơ sở	(%)	0,18	0,46	0,3	
	-Đi học không chuyên cần	(%)	4,15			
8	Trung học cơ sở (chưa hoàn thành chương trình phổ cập 09 năm)	Người (%)	11,3	9,92	8,5	
9	Số trường học đạt tiêu chuẩn Trường học an toàn PCTNTT trẻ em/Tổng số trường	Trường	271	243		
	Tỷ lệ trường đạt trường học an toàn PCTNTT	%	66	66	68	
<b>V</b>	<b>Mục tiêu về Sinh hoạt, vui chơi, giải trí:</b>					
	Tổng số điểm vui chơi giành cho trẻ em: Trong đó:	Điểm	140	142	143	Sở Văn

1	- Số điểm vui chơi được cấp tỉnh quản lý	Điểm	4	4	4	hóa - TT và Du lịch
	- Số điểm vui chơi được cấp huyện, thành phố quản lý	Điểm	10	10	10	
	- Số điểm vui chơi được cấp xã, phường, thị trấn (cấp trường) quản lý	Điểm	126	128	129	
2	Thư viện, phòng đọc	Điểm	62	62	62	
3	Tủ sách	Tủ	61	61	62	
4	Nhà văn hóa cấp xã	Điểm	54	55	56	
5	Nhà rộng văn hóa sinh hoạt cộng đồng	Điểm	446	447	448	
6	Tỷ lệ trẻ em tham gia hoạt động tại các điểm vui chơi	%	75	80	80	
<b>VI</b>	<b>Mục tiêu Bảo vệ trẻ em</b>					
1	Số trẻ em sử dụng ma túy	Người	0	2		Công an tỉnh
2	Số trẻ em vi phạm pháp luật	Người	2	44		
3	Số trẻ em bị ngược đãi bạo lực	Người	0	3		
4	Số trẻ em bị xâm hại tình dục: Trong đó	Người	8	14		
	- Hiếp dâm trẻ em	Người	4	4		
	- Giao cấu trẻ em	Người	3	8		
	- Dâm ô trẻ em	Người	1	2		
5	Trẻ em bị mua bán	Người	0	0		
6	Trẻ em mồ côi cả cha, mẹ, trẻ em bỏ rơi	Người	528	519		
	Trẻ em mồ côi không nơi nương tựa	Người	179	185		
	Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ	Người	4.027	4.011		
7	Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng	Người	210	213		
	Trẻ em khuyết tật nặng	Người	895	898		
	Trẻ em khuyết tật đặc biệt nhẹ	Người	546	546		
8	Trẻ em bị nhiễm HIV	Người	3	3		
9	Trẻ em bị bệnh hiểm nghèo	Người	28	31		
10	Trẻ em sống trong hộ gia đình nghèo	Người	40.124	40.297	Giảm 3-5%	
11	Trẻ em sống trong gia đình bố mẹ bỏ nhau	Người	615	536		
	Trẻ em sống trong gia đình có vấn đề xã hội (có người sử dụng ma túy)	Người	60	55		
	Trẻ em sống trong gia đình có vấn đề xã hội (có người vi phạm pháp luật)	Người	60	53		
12	Trẻ em sống xa bố mẹ đi làm ăn xa	Người	97	102		

13	Trẻ em tử vong do tai nạn thương tích Trong đó:	Người	28	22		
	- Đuối nước	Người	22	21		
	- Tai nạn giao thông	Người	04	1		
	- Tai nạn khác ( <i>ngã, ngộ độc, bắn nả, xe máy đè, điện giật, ngạt hóc...</i> )	Người	02	0		